

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

KHOA TIẾNG ANH



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

Hà Nội, tháng 9 năm 2021

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH.....	1
II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ.....	5
1. Mục tiêu	5
2. Chuẩn đầu ra.....	6
3. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập.....	9
4. Phương pháp đánh giá.....	11
5. Khối lượng kiến thức toàn khóa	12
III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	14
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	14
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	14
3. Học phân kỹ năng	17
4. Xét và công nhận tốt nghiệp.....	17
5. Ma trận về sự đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được Chuẩn đầu ra của CTĐT	19
IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN.....	23
1. Dành cho sinh viên trình độ trung cấp	23
2. Dành cho sinh viên trình độ nâng cao	25
V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	27
VI. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN	28
1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN.....	28
2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN	28
3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	29
4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	29
5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.....	30
6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG.....	30
7. TIN HỌC.....	31
8. GIÁO DỤC THỂ CHẤT.....	31
9. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH	32
10. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI	32
11. TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG	33
12. XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG	33
13. DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC.....	34
14. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH	34
15. NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU	35

16. NGỮ ÂM TIẾNG ANH THỰC HÀNH	36
17. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG.....	36
18. TIẾNG ANH CƠ SỞ I.....	37
19. TIẾNG ANH CƠ SỞ II.....	39
21. ĐẤT NƯỚC HỌC ANH - MỸ.....	40
22. NGỮ PHÁP LÝ THUYẾT TIẾNG ANH.....	41
23. NGỮ ÂM - ÂM VỊ HỌC TIẾNG ANH	41
24. NGỮ DỤNG HỌC TIẾNG ANH.....	42
25. LÝ THUYẾT DỊCH	43
26. BIÊN DỊCH I.....	43
27. BIÊN DỊCH II	44
28. BIÊN DỊCH III	45
29. BIÊN DỊCH IV	46
30. PHIÊN DỊCH CƠ BẢN (I)	47
31. PHIÊN DỊCH NÂNG CAO (II)	47
32. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO I	48
33. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO II.....	48
34. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO III.....	49
35. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO IV.....	50
36. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN	50
37. KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH.....	51
38. KỸ NĂNG TỔ CHỨC SỰ KIỆN.....	51
39. KỸ NĂNG QUAN HỆ CÔNG CHÚNG - PR	52
40. KỸ NĂNG CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ	52
41. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN	53
42. KỸ NĂNG VIẾT BÁO CÁO.....	53
43. LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ HIỆN ĐẠI (1945-NAY).....	54
44. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM (1975 - ĐẾN NAY)	54
45. CÔNG TÁC NGOẠI GIAO.....	55
46. QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ	56
47. LUẬT HIẾN PHÁP VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC	56
48. TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ.....	57
49. VIẾT CÔNG HÀM NGOẠI GIAO	58
50. XÂY DỰNG DỰ ÁN	58

51. NGOẠI KHÓA BIÊN - PHIÊN DỊCH	59
52. PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP	59
53. GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA	60

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CỬ NHÂN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Mã ngành: 7220201

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

2. Tên văn bằng: Bằng Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh

3. Cơ sở cấp bằng: Học viện Ngoại giao

4. Cơ sở tổ chức giảng dạy: Khoa Tiếng Anh, Học viện Ngoại giao

5. Căn cứ xây dựng và điều chỉnh Chương trình

5.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6//2012.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

- Thông tư số 24/2007/TT-BGDĐT ngày 10/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

- Quyết định số 07/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao.

5.2. Căn cứ thực tiễn

- Quyết định số 733/QĐ-HVNG ngày 19/8/2019 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Chiến lược phát triển Học viện Ngoại giao giai đoạn 2019-2029.

- Quyết định số 1269/QĐ-HVNG ngày 27/12/2018 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn và Văn hóa của Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 508/QĐ-HVNG ngày 10/8/2021 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy.

- Chương trình đào tạo cử nhân đại học ngành Cử nhân tiếng Anh của Đại học Adelaide (Bang Nam Úc), Đại học Edith Cowan (Perth, Bang Tây Úc), Đại học Stamford (Thái Lan), Đại học Carleton (Canada) để tham chiếu.

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh của Đại học Cần Thơ, Đại học Hà Nội, Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Ngoại thương để tham chiếu.

- Nhu cầu nguồn nhân lực làm việc tại các cơ quan Bộ, ngành, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

- Kết quả khảo sát các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận, các doanh nghiệp, các cựu sinh viên Học viện Ngoại giao và sinh viên hiện tại của Học viện Ngoại giao (sinh viên năm thứ 4 năm học 2019-2020 của Học viện Ngoại giao).

- Kết quả phỏng vấn lấy ý kiến giảng viên.

6. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Học viện Ngoại giao.

7. Thời gian đào tạo

Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, thời gian thiết kế là 04 năm học gồm cả thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, được chia làm 08 học kỳ.

8. Điều kiện tốt nghiệp

STT	Điều kiện	Tiêu chí thực hiện
1	Phẩm chất đạo đức	Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.
2	Kết quả học tập	- Tích lũy đủ số học phần quy định của ngành đào tạo. - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học phải đạt từ 2.00 trở lên.
3	Ngoại ngữ	Có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế theo quy định về Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ của Học viện.
4	Tin học	Theo quy định của Học viện.
5	Giáo dục quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất	- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh. - Hoàn thành học phần Giáo dục thể chất theo

		quy định của Học viện.
6	Học phí	Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Học viện.
7	Thư viện	Hoàn trả sách, tài liệu... theo quy định của Học viện.
8	Trách nhiệm cộng đồng	Đạt đủ Điểm hoạt động cộng đồng theo quy định của Học viện.

9. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Các vị trí công tác có thể đảm đương sau khi tốt nghiệp:

- Thư ký, trợ lý giám đốc.
- Giáo viên tiếng Anh
- Cán bộ ngoại giao.
- Cán bộ đối ngoại.
- Cán bộ chương trình, dự án của các tổ chức quốc tế.
- Cán bộ kinh doanh, nhân sự, pháp lý, truyền thông, quan hệ công chúng của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.
- Phiên dịch, biên dịch viên của các tổ chức quốc tế; các cơ quan thông tấn báo chí.
- Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu về ngôn ngữ Anh, văn hóa và văn chương các nước nói tiếng Anh.

10. Cơ hội học tập ở các chương trình đào tạo tương đương hoặc bậc cao hơn

- Chương trình được thiết kế nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có thể chuyển sang học các chương trình đào tạo mang tính quốc tế trong và ngoài nước.
- Sau khi tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, sinh viên có thể theo học các chương trình Thạc sĩ, Tiến sĩ tại các trường trong và ngoài nước, đặc biệt là các

chương trình bằng tiếng Anh của các trường đại học ở các quốc gia như Anh, Úc, Mỹ, New Zealand, Canada, Ấn Độ, các nước trong khối ASEAN.

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu chuyên sâu các chuyên ngành như biên phiên dịch, ngôn ngữ, giảng dạy tiếng Anh.

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu các chuyên ngành khác như quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, truyền thông quốc tế, luật quốc tế, quản lý công, quản lý giáo dục.

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh nhằm đào tạo và cung cấp cho thị trường lao động những cử nhân có kiến thức chuyên môn toàn diện, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ thành thạo, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Anh đáp ứng khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc quốc gia. Chương trình đào tạo sinh viên có khả năng làm việc hiệu quả trong công tác ngoại giao, đối ngoại, biên dịch, phiên dịch, truyền thông, trợ lý lãnh đạo của các Bộ, Ban, Ngành, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh:

- Cung cấp cho sinh viên một hệ thống kiến thức toàn diện bao gồm kiến thức đại cương, chuẩn mực nghề nghiệp; lý thuyết và thực hành tiếng Anh, đặc biệt là tiếng Anh ứng dụng trong lĩnh vực biên - phiên dịch, quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, luật quốc tế, truyền thông quốc tế.

- Trang bị cho sinh viên các kỹ năng mềm, kỹ năng nghiệp vụ như kỹ năng thuyết trình, đàm phán, tổ chức sự kiện, quan hệ công chúng, chủ trì hội

ngiht, viết báo cáo và nghiên cứu khoa học cũng như kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, xã hội, pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng và an ninh.

- Trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng các quy định hiện hành; khả năng thích ứng và làm việc trong môi trường đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa.

- Rèn luyện cho sinh viên tác phong chuyên nghiệp, kỹ năng học tập suốt đời, có sức khỏe, phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội đáp ứng được những yêu cầu hoàn thiện bản thân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ hội nhập.

2. Chuẩn đầu ra

STT	MÃ	Chuẩn đầu ra	Mức độ
2.1. KIẾN THỨC			
1	KT1	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội và pháp luật. - Nắm vững kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh; các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế-xã hội của Đảng và Nhà nước. 	5/6
2	KT2	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tiếng Anh thành thạo (tương đương trình độ C1, Khung tham chiếu Châu Âu; bậc 5/6 của Khung năng lực ngoại ngữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc đạt tối thiểu trình độ 7.0 IELTS Quốc tế (học thuật) hoặc/và các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương (901-990 TOEIC, 79-95 TOEFL iBT) gồm 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết). - Có khả năng biên dịch, phiên dịch, nghe tin, đọc báo, tổng hợp, phân tích, viết báo cáo; có khả 	5/6

		năng trình bày, bình luận về các tin tức, sự kiện, các bài phân tích, nghiên cứu về các chuyên ngành ngôn ngữ Anh, quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, luật quốc tế, truyền thông quốc tế.	
3	KT3	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững lý thuyết tiếng Anh về ngữ pháp, ngữ âm, âm vị học, ngữ dụng học. - Nắm vững kiến thức nền tảng về đất nước, con người, văn hóa, văn học, xã hội... của các quốc gia nói tiếng Anh. - Nắm vững và áp dụng kiến thức về văn học Anh - Mỹ, lý thuyết biên phiên dịch vào lĩnh vực chuyên môn như công tác biên phiên dịch, giảng dạy tiếng Anh. 	5/6
4	KT4	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được kiến thức tiếng Anh chuyên ngành về quan hệ quốc tế và kiến thức bổ trợ/chuyên ngành phụ về quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, truyền thông quốc tế và luật quốc tế. - Có khả năng thực hiện công tác biên phiên dịch (ở trình độ trung cấp) vào công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế phù hợp như các cuộc họp, tiếp xúc, hội thảo. - Có khả năng biên dịch các tài liệu liên quan đến ngôn ngữ Anh tại các Bộ, Ban, Ngành trung ương, địa phương, các tổ chức xã hội và các doanh nghiệp trong và ngoài nước. 	5/6
5	KT5	Nắm vững kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu, cách viết đề cương nghiên cứu, cách xử lý và diễn dịch số liệu thống kê phục vụ công	5/6

		tác nghiên cứu về ngôn ngữ ứng dụng nói riêng và khoa học xã hội nói chung.	
2.2. KỸ NĂNG			
6	KN1	- Hình thành, tăng cường kỹ năng phản biện, phê phán, kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành ngôn ngữ tiếng Anh. - Hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn học, văn hóa - văn minh của các nước thuộc cộng đồng Anh ngữ.	4/5
7	KN2	Ứng dụng các kỹ năng mềm như kỹ năng chủ trì hội nghị, quan hệ công chúng tiếp xúc báo chí, trả lời phỏng vấn, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, làm việc nhóm, thuyết trình, đàm phán, tổ chức sự kiện, quan hệ công chúng, chủ trì hội nghị... giúp người học giải quyết những công việc chuyên môn cụ thể hoặc phức tạp liên quan đến chuyên ngành ngôn ngữ Anh và quan hệ quốc tế đòi hỏi vận dụng cả chuyên môn, nghiệp vụ và các kỹ năng mềm trong học tập và làm việc.	4/5
2.3. MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			
8	NLTC1	Trở thành công dân toàn cầu, tuân thủ pháp luật, nguyên tắc đạo đức cá nhân, tiêu chuẩn ứng xử chuyên nghiệp.	4/5
9	NLTC2	- Có thể tự học tập và học tập suốt đời, tích lũy, cập nhật kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao	4/5

		<p>trình độ chuyên môn nghiệp vụ hoặc tiếp tục được đào tạo ở bậc cao hơn để đáp ứng nhu cầu của xã hội.</p> <p>- Có khả năng phân tích, đánh giá, đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ và một số vấn đề phức tạp nảy sinh trong thực tiễn làm việc.</p>	
10	NLTC3	<p>- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, cải tiến các hoạt động chuyên môn, phát huy trí tuệ tập thể, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác, tự chủ trong công việc.</p> <p>- Chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân.</p>	4/5

Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: Kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5)

3. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Phương pháp, hình thức tổ chức	Mục đích	Tỷ lệ %
Giảng dạy		
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của các học phần một cách khoa học, logic.	30%
Xêmina (Thảo luận trên lớp, Thảo luận nhóm, Thuyết trình)	Thông qua việc trao đổi, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên, giữa các sinh viên để làm rõ nội dung kiến thức trong học phần. Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng học phần.	30%
Nghiên cứu tình huống	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự	20%

	<p>nghiên cứu, hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết vấn đề thực tế trong một tình huống cụ thể.</p>	
Nghiên cứu khoa học	<p>Giúp sinh viên phát huy tính năng động, sáng tạo, năng lực tự học, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn.</p>	20%
Học tập		
Học trên lớp	<p>Giúp sinh viên tiếp thu kiến thức và trực tiếp trao đổi, thảo luận bởi giảng viên/nhóm.</p>	20%
Học ở nhà/học cá nhân (Tự học/ Nghiên cứu trước tài liệu ở nhà, làm bài tập cá nhân)	<p>Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, nâng cao năng lực học tập suốt đời.</p>	30%
Học theo hình thức kết hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên tiếp cận và ứng dụng công nghệ trong học tập. - Kết hợp vừa học trực tiếp vừa học trực tuyến tùy theo từng học phần và yêu cầu của giáo viên. - Cung cấp cho sinh viên các hoạt động học tập đa dạng, tích hợp nhiều công cụ đánh giá sinh viên trên nền tảng công nghệ. 	10%
Học nhóm (Thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm)	<p>Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác. Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung học phần vào vấn đề thực tế.</p>	10%
Học lý thuyết	<p>Cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức cơ bản, hiểu được các khái niệm từ đó nắm được</p>	10%

	bản chất sự vật/hiện tượng để vận dụng trong giải quyết các vấn đề thực tế.	
Học theo dự án	Giúp sinh viên có cơ hội vận dụng lý thuyết với thực tế; rèn luyện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tiễn; phát triển năng lực sáng tạo, phối hợp làm việc, tự đánh giá.	10%
Đi thực tập, thực tế	Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào công việc cụ thể, tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại các đơn vị. Qua đó sinh viên có thể so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn.	10%

4. Phương pháp đánh giá

4.1. Đánh giá học phần

Điểm học phần được đánh giá qua tối thiểu 03 điểm thành phần. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Trong đó:

- Điểm kiểm tra - đánh giá thường xuyên: có trọng số không lớn hơn 20% tổng điểm học phần

- Điểm kiểm tra - đánh giá định kỳ: có trọng số không ít hơn 20% tổng điểm học phần

- Điểm thi kết thúc học phần: có trọng số không ít hơn 60% tổng điểm học phần

Mỗi loại điểm có trọng số riêng do giảng viên phụ trách học phần xác định được Trưởng Khoa phê duyệt và quy định trong đề cương chi tiết học phần. Điểm học phần sẽ là điểm trung bình tính theo hệ số của các điểm thi kết thúc học phần và điểm thành phần, được làm tròn đến một chữ số thập phân.

4.2. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi học kỳ chính theo các tiêu chí sau:

- Khối lượng kiến thức học tập: là tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ.

- Khối lượng kiến thức tích lũy: là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình chung học kỳ: là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (bao gồm cả các học phần được đánh giá loại đạt và không đạt).

- Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

4.3. Thang điểm

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo thang điểm 10 (0-10), sau đó chuyển thành điểm chữ (A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F và P) và điểm số thang 4 (0-4) theo quy định đào tạo do Học viện xây dựng dựa trên Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **120** tín chỉ (không bao gồm số tín chỉ các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh và các học phần Ngoại ngữ 2).

Phân loại trình độ Tiếng Anh của sinh viên theo hai trình độ: Nâng cao và Trung cấp, dựa trên các tiêu chí sau:

- ❖ Sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS hoặc tương đương 6.0 trở lên và không có kỹ năng nào dưới 5.5 sẽ được xét vào lớp tiếng Anh trình độ nâng cao.

❖ Sinh viên chưa có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hoặc đã có nhưng không đáp ứng điều kiện ở mục 1, sẽ phải làm một bài thi phân loại bao gồm 02 kỹ năng: Viết và Nói.

- Nếu kết quả trung bình của 02 kỹ năng đạt 6.0 trở lên và không có kỹ năng nào dưới 5.5 thì sẽ được xét vào lớp tiếng Anh trình độ nâng cao và học Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao từ học kỳ I của năm thứ nhất.

- Nếu kết quả trung bình dưới 6.0 thì sinh viên sẽ được xếp vào lớp tiếng Anh trung cấp và học hai cấp độ tiếng Anh cơ sở I và II trong 02 kỳ của năm thứ nhất trước khi vào học tiếng Anh trình độ nâng cao như mục 1.

Khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo * 120 tín chỉ

STT	Nội dung	Số tín chỉ (TC) Trình độ Trung cấp	Số tín chỉ (TC) Trình độ Nâng cao
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	15	15
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	71	71
	- Kiến thức cơ sở khối ngành	12	12
	- Kiến thức cơ sở ngành	10	05
	- Kiến thức bổ trợ	18	18
	- Kiến thức chuyên ngành	28	28
	- Kiến thức tự chọn của ngành chính	03 *	08
3	Học phần kỹ năng	18	18
4	Kiến thức hướng nghiệp	06	06
5	Kiến thức tốt nghiệp	10	10

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

15 tín chỉ*

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Triết học Mác - Lênin	FC.001.03	03	Tiếng Việt
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	FC.002.02	02	Tiếng Việt
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	FC.003.02	02	Tiếng Việt
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	FC.004.02	02	Tiếng Việt
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	FC.005.02	02	Tiếng Việt
6	Pháp luật đại cương	IL.003.02	02	Tiếng Việt
7	Tin học	IT.001.02	02	Tiếng Việt
8	<i>Giáo dục thể chất</i>	AAD.001.03	03	Tiếng Việt
9	<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh</i>	AAD.002.08	08	Tiếng Việt

(* không bao gồm số TC học phần *Giáo dục thể chất* và *Giáo dục quốc phòng - an ninh*)

2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

71 tín chỉ

2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành

12 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Lịch sử văn minh thế giới	FC.007.02	02	Tiếng Việt
2	Tâm lý học đại cương	FC.008.02*	02	Tiếng Việt
3	Xã hội học đại cương	FC.009.02	02	Tiếng Việt
4	Dẫn luận ngôn ngữ học	E.001.02	02	Tiếng Việt
5	Tiếng Việt thực hành	E.002.02	02	Tiếng Việt
6	Ngôn ngữ học đối chiếu	E.003.02	02	Tiếng Việt

2.2. Kiến thức cơ sở ngành:

a) Trình độ Trung cấp: Kiến thức cơ sở Ngành

10 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Ngữ âm tiếng Anh thực hành	E.004.03	03	Tiếng Anh
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	E.005.02	02	Tiếng Anh

	trong ngôn ngữ học ứng dụng			
3	Tiếng Anh cơ sở I (Nghe, Nói, Đọc, Viết)	E1.006.03	03	Tiếng Anh
4	Tiếng Anh cơ sở II (Nghe, Nói, Đọc, Viết)	E1.007.02	02	Tiếng Anh

b) Trình độ Nâng cao: Kiến thức cơ sở Ngành * 05 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Ngữ âm tiếng Anh thực hành	E.004.03	03	Tiếng Anh
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngôn ngữ học ứng dụng	E.005.02	02	Tiếng Anh

2.3. Kiến thức bổ trợ:

18 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	IR.005.03	03	Tiếng Việt
2	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	IR.007.03	03	Tiếng Việt
3	Công tác ngoại giao	IR.025.03	03	Tiếng Việt
4	Luật hiến pháp Việt Nam và các nước	IL.003.03	03	Tiếng Việt
5	Quan hệ kinh tế quốc tế	IE.006.03	03	Tiếng Việt
6	Truyền thông quốc tế	IC.009.03	03	Tiếng Việt

2.4. Kiến thức chuyên ngành:

28 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Văn học Anh - Mỹ	E.008.02	02	Tiếng Anh
2	Đất nước học Anh - Mỹ	E.009.02	02	Tiếng Anh
3	Ngữ pháp lý thuyết tiếng Anh	E.010.02	02	Tiếng Anh
4	Ngữ âm - âm vị học tiếng Anh	E.011.02	02	Tiếng Anh
5	Ngữ dụng học tiếng Anh	E.012.02	02	Tiếng Anh

6	Lý thuyết dịch	E.013.02	02	Tiếng Anh
7	Biên dịch I	E.014.02	02	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
8	Biên dịch II	E.015.03*	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
9	Tiếng Anh ngoại giao I	E1.018.02	02	Tiếng Anh
10	Tiếng Anh ngoại giao II	E1.019.03	03	Tiếng Anh
11	Tiếng Anh ngoại giao III	E1.020.03	03	Tiếng Anh
12	Tiếng Anh ngoại giao IV	E1.021.03	03	Tiếng Anh

2.5. Kiến thức tự chọn của ngành:

Sinh viên trình độ Trung cấp chọn đủ 3 tín chỉ.

Sinh viên trình độ Nâng cao chọn đủ 8 tín chỉ.

2.5.1. Chuyên ngành Biên dịch

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Biên dịch III	E.016.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
2	Biên dịch IV	E.017.02	02	Tiếng Việt/ Tiếng Anh

2.5.2. Chuyên ngành Phiên dịch

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Phiên dịch cơ bản (I)	E.044.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
2	Phiên dịch nâng cao (II)	E.045.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh

2.5.3. Ngoại khoá Biên phiên dịch

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Ngoại khoá Biên phiên dịch	E.033.02	02	Tiếng Việt/ Tiếng Anh

3. Học phần kỹ năng

18 tín chỉ

Sinh viên chọn đủ 18 tín chỉ.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	IR.024.03	03	Tiếng Việt
2	Kỹ năng thuyết trình	E.024.03	03	Tiếng Anh
3	Kỹ năng tổ chức sự kiện	E.025.03	03	Tiếng Anh
4	Kỹ năng quan hệ công chúng - PR	E.026.03	03	Tiếng Anh
5	Kỹ năng chủ trì hội nghị	E.027.03	03	Tiếng Anh
6	Kỹ năng đàm phán	E.028.03	03	Tiếng Anh
7	Kỹ năng viết báo cáo	E.029.03	03	Tiếng Anh

4. Xét và công nhận tốt nghiệp

4.1. Điều kiện chung

16 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Kiến thức hướng nghiệp	AAD.036.03	03	Tiếng Việt
2	Thực tập cuối khóa	E.037.03	03	Tiếng Anh/ Tiếng Việt

4.2. Đối với sinh viên làm Khoá luận tốt nghiệp *

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Khoá luận tốt nghiệp	E.038.10	10	Tiếng Anh

4.3. Đối với sinh viên không làm Khoá luận tốt nghiệp

Sinh viên học và thi các học phần chuyên môn tương đương 10 tín chỉ.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Viết công hàm ngoại giao	E.031.02	02	Tiếng Anh
2	Xây dựng dự án	E.032.03	03	Tiếng Anh
3	Phát triển nghề nghiệp	E.034.03	03	Tiếng Anh
4	Giao tiếp liên văn hóa	E.035.02	02	Tiếng Anh

STT	Tên học phần	Mã HP	Số TC	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
				KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	NLTC 1	NLTC 2	NLTC 3
17	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngôn ngữ học ứng dụng	E.005.02	02		2	5		5	4	2	3	3	3
18	Tiếng Anh cơ sở I	E1.006.03	03		4	3	2		3		3	3	3
19	Tiếng Anh cơ sở II	E1.007.02	02		5	3	2		3		3	3	3
20	Văn học Anh - Mỹ	E.008.02	02		4	5		4	3	2	3	3	3
21	Đất nước học Anh Mỹ	E.009.02	02		4	5		4	3	2	3	3	3
22	Ngữ pháp lý thuyết tiếng Anh	E.010.02	02		3	5		2	2		3	3	3
23	Ngữ âm - âm vị học tiếng Anh	E.011.02	02		4	5		4	3	2	3	3	3
24	Ngữ dụng học tiếng Anh	E.012.02	02		4	5		4	3	2	3	3	3
25	Lý thuyết dịch	E.013.02	02		4	5	4	4	3	3	3	3	3
26	Biên dịch I	E.014.02	02		4	5	4	4	3	3	3	3	3
27	Biên dịch II	E.015.03	03		4	5	4	4	3	3	3	3	3
28	Biên dịch III	*E.016.03	03		4	5	4	4	3	3	3	3	3
29	Biên dịch IV	E.017.02	02		4	5	4	4	3	3	3	3	3
30	Phiên dịch cơ bản (I)	E.044.03	03		4	5	4	4	3	3	3	3	3
31	Phiên dịch nâng cao (II)	E.045.03	03		4	5	4	4	3	3	3	3	3
32	Tiếng Anh ngoại giao I	E.018.02	02		4	3	2		3	2	3	3	3
33	Tiếng Anh ngoại giao II	E.019.03	03		5	3	2		3	3	3	3	3
34	Tiếng Anh ngoại giao III	E.020.03	03		5	3	2		3		3	3	3
35	Tiếng Anh ngoại giao IV	E.021.03	03		5	3	2		3		3	3	3
36	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	IR.024.03	03							2	3	3	3

STT	Tên học phần	Mã HP	Số TC	Số										
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
37	Kỹ năng thuyết trình	E.024.03	03	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 5	NLTC 1	NLTC 2	NLTC 3
38	Kỹ năng tổ chức sự kiện	E.025.03	03			1	1	1	1	1	5	3	3	3
39	Kỹ năng quan hệ công chúng - PR	E.026.03	03			1	1	1	1	1	5	3	3	3
40	Kỹ năng chủ trì hội nghị	E.027.03	03			1	1	1	1	1	5	3	3	3
41	Kỹ năng đàm phán	E.028.03	03			1	1	1	1	1	5	3	3	3
42	Kỹ năng viết báo cáo	E.029.03	03			1	1	1	1	1	5	3	3	3
43	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945 - nay)	IR.005.03	03	1			4				3	3	3	3
44	Chính sách đối ngoại Việt Nam (1975 - nay)	IR.007.03	03	4			4				3	3	3	3
45	Công tác ngoại giao	IR.025.03	03	2			4				3	3	3	3
46	Quan hệ kinh tế quốc tế	IE.006.03	03	2			4				3	3	3	3
47	*Luật hiến pháp Việt Nam và các nước	IL.003.03	03	5							*	3	3	3
48	Truyền thông quốc tế	IC.009.03	03	1							3	3	3	3
49	Viết công hàm ngoại giao	E.031.02	02				3		3	3	3	3	3	3
50	Xây dựng dự án	E.032.03	03			4	4	4	4	4	4	3	3	3
51	Ngoại khóa biên phiên dịch	E.033.02	02			4	4	4	4	4	4	3	3	3
52	Phát triển nghề nghiệp	E.034.03	03			4	4	4	4	4	4	3	3	3
53	Giao tiếp liên văn hóa	E.035.02	02			4	4	4	4	4	4	3	3	3
54	Kiến thức hướng nghiệp	AAD.036.03	03									4	4	4

STT	Tên học phần	Mã HP	Số TC	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
				KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	NLTC 1	NLTC 2	NLTC 3
55	Thực tập cuối khóa	E.037.03	03								4	4	4
56	Khóa luận tốt nghiệp	E.038.10	10			4	3	5	2	2	2	4	4

IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN

1. Dành cho sinh viên trình độ trung cấp

STT	Tên học phần	Kiến thức		Số tín chỉ
HỌC KỲ I				16/18
1	Lịch sử văn minh thế giới	CS khối ngành	Bắt buộc	02
2	Triết học Mác - Lênin	Đại cương	Bắt buộc	03
3	Học phần Kỹ năng 1 (Thuyết trình)	Kỹ năng	Tự chọn	03
4	Tiếng Anh cơ sở I	Ngoại ngữ	Bắt buộc	03
5	Ngữ âm tiếng Anh thực hành	CS ngành	Bắt buộc	03
6	Tin học	Đại cương	Bắt buộc	02
7	<i>Giáo dục thể chất</i>	<i>Đại cương</i>	<i>Bắt buộc</i>	<i>02</i>
HỌC KỲ II				15/23
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Đại cương	Bắt buộc	02
2	Ngữ pháp lý thuyết tiếng Anh	Chuyên ngành	Bắt buộc	02
3	Pháp luật đại cương	Đại cương	Bắt buộc	02
4	Tiếng Anh cơ sở II	Ngoại ngữ	Bắt buộc	02
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đại cương	Bắt buộc	02
6	Dẫn luận ngôn ngữ học	CS khối ngành	Bắt buộc	02
7	Học phần Kỹ năng 2 (Soạn thảo văn bản)	Kỹ năng	Tự chọn	03
8	<i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i>	<i>Đại cương</i>	<i>Bắt buộc</i>	<i>08</i>
HỌC KỲ III				13
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đại cương	Bắt buộc	02
2	Tâm lý học đại cương	CS khối ngành	Bắt buộc	02
3	Tiếng Việt thực hành	CS khối ngành	Bắt buộc	02
4	Học phần Kỹ năng 3 (Tổ chức sự kiện)	Kỹ năng	Tự chọn	03
5	Tiếng Anh ngoại giao I	Ngoại ngữ	Bắt buộc	02
6	Đất nước học Anh - Mỹ	Chuyên ngành	Bắt buộc	02
HỌC KỲ IV				18
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đại cương	Bắt buộc	02
2	Kiến thức bổ trợ 1 (Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945-nay))	Bổ trợ	Bắt buộc	03
3	Kiến thức bổ trợ 2 (Luật hiến pháp Việt Nam và các nước)	Bổ trợ	Bắt buộc	03
4	Lý thuyết dịch	Chuyên ngành	Bắt buộc	02
5	Tiếng Anh ngoại giao II	Ngoại ngữ	Bắt buộc	03
6	Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	Chuyên ngành	Bắt buộc	02

7	Học phần Kỹ năng 4 (Quan hệ công chúng – PR)	Kỹ năng	Tự chọn	03
HỌC KỶ V				17
1	Học phần Kỹ năng 5 (Đàm phán)	Kỹ năng	Tự chọn	03
2	Kiến thức bổ trợ 3 (Chính sách đối ngoại Việt Nam (1975-nay))	Bổ trợ	Bắt buộc	03
3	Kiến thức bổ trợ 4 (Quan hệ kinh tế quốc tế)	Bổ trợ	Bắt buộc	03
4	Kiến thức bổ trợ 5 (Truyền thông quốc tế)	Bổ trợ	Bắt buộc	03
5	Tiếng Anh ngoại giao III	Ngoại ngữ	Bắt buộc	03
6	Xã hội học đại cương	Khối ngành	Bắt buộc	02
HỌC KỶ VI				15
1	Kiến thức bổ trợ 6 (Công tác ngoại giao)	Bổ trợ	Bắt buộc	03
2	Tiếng Anh ngoại giao IV	Ngoại ngữ	Bắt buộc	03
3	Văn học Anh - Mỹ	Chuyên ngành	Bắt buộc	02
4	Ngữ dụng học tiếng Anh	Chuyên ngành	Bắt buộc	02
5	Học phần Kỹ năng 6 (Viết báo cáo)	Kỹ năng	Tự chọn	03
6	Biên dịch I	Chuyên ngành	Bắt buộc	02
HỌC KỶ VII				13
1	Ngôn ngữ học đối chiếu	CS khối ngành	Bắt buộc	02
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngôn ngữ học ứng dụng	CS ngành	Bắt buộc	02
3	Biên dịch II	Chuyên ngành	Bắt buộc	03
4	Kiến thức hướng nghiệp		Bắt buộc	03
5	Thực tập cuối khóa		Bắt buộc	03
HỌC KỶ VIII				13
1	Biên dịch III/Phiên dịch cơ bản (I)	Chuyên ngành	Tự chọn	03
2	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học 10 tín chỉ học phần chuyên môn		Bắt buộc	10

2. Dành cho sinh viên trình độ nâng cao

STT	Tên học phần	Kiến thức		Số tín chỉ
HỌC KỲ I				15/17
1	Lịch sử văn minh thế giới	CS khối ngành	Bắt buộc	02
2	Triết học Mác - Lênin	Đại cương	Bắt buộc	03
3	Học phần Kỹ năng 1 (Thuyết trình)	Kỹ năng	Tự chọn	03
4	Tiếng Anh ngoại giao I	Ngoại ngữ	Bắt buộc	02
5	Ngữ âm tiếng Anh thực hành	CS ngành	Bắt buộc	03
6	Tin học	Đại cương	Bắt buộc	02
7	<i>Giáo dục thể chất</i>	<i>Đại cương</i>	<i>Bắt buộc</i>	<i>02</i>
HỌC KỲ II				16/24
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Đại cương	Bắt buộc	02
2	Ngữ pháp lý thuyết tiếng Anh	Chuyên ngành	Bắt buộc	02
3	Pháp luật đại cương	Đại cương	Bắt buộc	02
4	Tiếng Anh ngoại giao II	Ngoại ngữ	Bắt buộc	03
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đại cương	Bắt buộc	02
6	Dẫn luận ngôn ngữ học	CS khối ngành	Bắt buộc	02
7	Học phần Kỹ năng 2 (Soạn thảo văn bản)	Kỹ năng	Tự chọn	03
8	<i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i>	<i>Đại cương</i>	<i>Bắt buộc</i>	<i>08</i>
HỌC KỲ III				14
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đại cương	Bắt buộc	02
2	Tâm lý học đại cương	CS khối ngành	Bắt buộc	02
3	Tiếng Việt thực hành	CS khối ngành	Bắt buộc	02
4	Học phần Kỹ năng 3 (Tổ chức sự kiện)	Kỹ năng	Tự chọn	03
5	Tiếng Anh ngoại giao III	Ngoại ngữ	Bắt buộc	03
6	Đất nước học Anh - Mỹ	Chuyên ngành	Bắt buộc	02
HỌC KỲ IV				18
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đại cương	Bắt buộc	02
2	Kiến thức bổ trợ 1 (Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945-nay))	Bổ trợ	Bắt buộc	03
3	Kiến thức bổ trợ 2 (Luật hiến pháp Việt Nam và các nước)	Bổ trợ	Bắt buộc	03
4	Lý thuyết dịch	Chuyên ngành	Bắt buộc	02
5	Tiếng Anh ngoại giao IV	Ngoại ngữ	Bắt buộc	03
6	Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	Chuyên ngành	Bắt buộc	02
7	Học phần Kỹ năng 4 (Quan hệ công chúng –	Kỹ năng	Tự chọn	03

	PR)			
HỌC KỲ V				16
1	Học phần Kỹ năng 5 (Đàm phán)	Kỹ năng	Tự chọn	03
2	Kiến thức bổ trợ 3 (Chính sách đối ngoại Việt Nam (1975-nay))	Bổ trợ	Bắt buộc	03
3	Kiến thức bổ trợ 4 (Quan hệ kinh tế quốc tế)	Bổ trợ	Bắt buộc	03
4	Kiến thức bổ trợ 5 (Truyền thông quốc tế)	Bổ trợ	Bắt buộc	03
5	Biên dịch I	Chuyên ngành	Bắt buộc	02
6	Xã hội học đại cương	Khối ngành	Bắt buộc	02
HỌC KỲ VI				13
1	Kiến thức bổ trợ 6 (Công tác ngoại giao)	Bổ trợ	Bắt buộc	03
2	Biên dịch II	Chuyên ngành	Bắt buộc	03
3	Văn học Anh - Mỹ	Chuyên ngành	Bắt buộc	02
4	Ngữ dụng học tiếng Anh	Chuyên ngành	Bắt buộc	02
5	Học phần Kỹ năng 6 (Viết báo cáo)	Kỹ năng	Tự chọn	03
HỌC KỲ VII				16
1	Ngôn ngữ học đối chiếu	CS khối ngành	Bắt buộc	02
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngôn ngữ học ứng dụng	CS ngành	Bắt buộc	02
3	Biên dịch III	Chuyên ngành	Tự chọn	03
4	Phiên dịch cơ bản (I)	Chuyên ngành	Tự chọn	03
5	Kiến thức hướng nghiệp		Bắt buộc	03
6	Thực tập cuối khóa		Bắt buộc	03
HỌC KỲ VIII				12
1	Biên dịch IV/Ngoại khoá Biên phiên dịch	Chuyên ngành	Tự chọn	02
2	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học 10 tín chỉ học phần chuyên môn		Bắt buộc	10

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Số lượng sinh viên phù hợp để áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy.
- Giảng viên là những người có uy tín, giàu kinh nghiệm và được đào tạo tại các trường danh tiếng tại nước ngoài.
- Sinh viên được tham gia các chương trình nghiên cứu khoa học của Học viện hoặc theo dự án nghiên cứu của Khoa.
- Học phần hướng nghiệp luôn được ưu tiên thông qua các hoạt động tuyển dụng, kênh đối ngoại và thông tin của Học viện cũng như của khoa. Ngoài ra, Học viện có mạng lưới cựu sinh viên thành đạt cung cấp nguồn thông tin quý giá cho việc hướng nghiệp.
- Sinh viên được học các học phần kỹ năng mềm mang tính thực tế, ứng dụng cao trong học tập, công việc và cuộc sống.
- Sinh viên có nhiều cơ hội nhận học bổng đi du học ở bậc Thạc sĩ và các chương trình trao đổi sinh viên.
- Sinh viên được tham gia các chương trình ngoại khóa, có cơ hội tham gia các cuộc thi quốc tế và học hỏi kinh nghiệm từ bạn bè quốc tế, được ưu tiên tham gia các sự kiện quốc tế, sự kiện lớn của Bộ Ngoại giao.
- Sinh viên có cơ hội thực tập sớm ở các tổ chức lớn, các doanh nghiệp có uy tín trong và ngoài nước.
- Sinh viên được miễn học phần tiếng Anh cơ sở I và II nếu có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đáp ứng quy định của Khoa.
- Sinh viên được học học phần Phiên dịch cơ bản và nâng cao với quy mô lớp nhỏ, với đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm thực tiễn trong công tác phiên dịch của Bộ Ngoại giao.
- Bảng điểm và phụ lục văn bằng sẽ được ghi chuyên ngành chính là Cử nhân tiếng Anh và chuyên ngành phụ là Quan hệ Quốc tế

VI. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần Triết học Mác - Lênin giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm triết học cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin với tư cách là hệ thống những quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng tiến bộ xã hội trong nhận thức và cải tạo xã hội. Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, là điều kiện tiên quyết cho các học phần khoa học lý luận Mác - Lênin trong chương trình đại học, cao đẳng.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể vận dụng phương pháp luận vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn, từng bước xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học để từ đó tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin**

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin về kinh tế - chính trị học: lý luận về sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh tư bản chủ nghĩa, về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, cơ sở lý luận cơ bản của các mối quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể vận dụng được vào hoạt động kinh tế - xã hội, củng cố thế giới quan khoa học, hình thành phương pháp luận khoa học để từ đó tiếp cận các khoa học chuyên ngành như kinh tế học, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin**

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm cơ bản của C.Mác, Ph.Ăngghen và V. I. Lênin về việc xây dựng một chế độ xã hội mới để thay thế cho các xã hội còn tồn tại tình trạng bất bình đẳng giai cấp. Học phần này nghiên cứu các quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội để luận giải cho tính tất yếu ra đời của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa và cách thức, con đường để định hướng cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động xây dựng thành công chế độ xã hội đó.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên hiểu được các nội dung, quan điểm cơ bản về chủ nghĩa xã hội, vận dụng được vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn; từng bước xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh giới thiệu có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN. Đó là các quan điểm về vấn đề dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc; về đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam, về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; về vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện Việt Nam; về kết tinh tinh hoa văn hóa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giai cấp và giải phóng con người.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận Hồ Chí Minh để xem xét, luận giải đường lối chính sách của

Đảng Cộng sản Việt Nam; vận dụng thế giới quan và phương pháp luận Hồ Chí Minh vào thực tiễn sự nghiệp đổi mới hiện nay; thực hành theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự ra đời của Đảng, đường lối đấu tranh giành chính quyền 1930 - 1945, đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp, kháng chiến chống đế quốc Mỹ và đường lối thời kì đổi mới: đường lối công nghiệp hoá, đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đường lối xây dựng hệ thống chính trị, đường lối văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội và đường lối đối ngoại.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên hiểu được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; nắm được đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng qua các thời kì lãnh đạo cách mạng Việt Nam; nhận diện được những cơ sở để Đảng hoạch định đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng; vận dụng đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng vào công tác chuyên môn và trong cuộc sống; tin tưởng, góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng trong nhân dân.

6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về pháp luật và một số ngành luật quan trọng của Việt Nam. Cụ thể, học phần chia làm hai nhóm kiến thức: nhóm kiến thức thứ nhất cung cấp cho sinh viên một số khái niệm, thuật ngữ pháp lý cơ bản như pháp luật, nguồn của pháp luật (văn bản quy phạm pháp

luật, tiền lệ pháp, tập quán pháp), xây dựng pháp luật, giải thích và áp dụng pháp luật; nhóm kiến thức thứ hai cung cấp các kiến thức chung về ba ngành luật quan trọng trong pháp luật Việt Nam (luật hiến pháp, pháp luật dân sự, pháp luật hình sự...) như nguồn của từng ngành luật, đối tượng điều chỉnh, các nội dung/chế định cơ bản của từng ngành luật.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng hiểu được các khái niệm cơ bản về pháp luật, mối quan hệ giữa pháp luật và các quy phạm xã hội khác như đạo đức, hay các điều lệ của các tổ chức, đoàn thể; có kiến thức khái quát về toàn bộ hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm vị trí, hiệu lực pháp lý của các bộ phận cấu thành (các nguồn), đối tượng, phạm vi điều chỉnh của các ngành luật thực định và mối quan hệ của hệ thống pháp luật Việt Nam với luật pháp quốc tế.

7. TIN HỌC

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; phần mềm hệ thống (hệ điều hành), phần mềm ứng dụng, phần mềm công cụ; khai thác hệ điều hành phổ thông MS Windows; sử dụng các phần mềm văn phòng để làm tài liệu, quản trị dữ liệu ở mức đơn giản; sử dụng các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm tin tức. *

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể hiểu biết và sử dụng các ứng dụng văn phòng của Microsoft như: Word, Excel, Powerpoint, Access, Outlook, Internet Explorer...

8. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng bao gồm: hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể phát triển năng lực thể chất và văn hoá thể chất, ý thức trách nhiệm đối với sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng; biết lựa chọn môn thể thao phù hợp với năng lực vận động của bản thân để luyện tập; biết thích ứng với các điều kiện sống, lạc quan và chia sẻ với mọi người; có cuộc sống khoẻ mạnh về thể lực và tinh thần; có những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cần thiết để trở thành người công dân có trách nhiệm, người lao động có sức khỏe, có văn hóa, cần cù, sáng tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước trong thời đại toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp mới.

9. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH

Số tín chỉ: **08**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; công tác quốc phòng, an ninh; quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC).

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên tiếp tục rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong khoa học trong công việc; có ý thức, năng lực sẵn sàng tham gia thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa trên mọi cương vị công tác.

10. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử phát sinh, phát triển của các nền văn minh lớn trong lịch sử nhân loại từ thời cổ, trung đến cận - hiện đại với những nội dung: các điều kiện cho sự hình thành và phát triển của các nền văn minh, những thành tựu chủ yếu, những đóng góp cho văn minh nhân loại và phân biệt những điểm tương đồng và dị biệt giữa các nền văn minh, những nguyên tắc và mối tương quan giữa hội nhập văn minh thế giới và giữ vững, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng thuyết trình một vấn đề lịch sử văn minh; có tư duy độc lập trong phân tích và vận dụng những kiến thức văn hóa, văn minh nhân loại vào các lĩnh vực chuyên môn của mình; biết quý trọng, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa nhân loại và tiếp nhận một cách có chọn lọc các giá trị đó để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

11. TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng của tâm lý học, bao gồm: hệ thống các khái niệm của tâm lý học: tâm lý người, hoạt động nhận thức, tình cảm, ý chí, nhân cách. Học phần cũng cung cấp các nội dung về các quy luật và cơ chế của các hiện tượng tâm lý con người: bản chất của tâm lý người, sự hình thành và phát triển tâm lý, các quy luật của nhận thức, tình cảm và sự hình thành, phát triển nhân cách.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kỹ năng sử dụng đúng các khái niệm tâm lý học trong việc nhận diện, giải thích các hiện tượng tâm lý cá nhân và xã hội; bước đầu hình thành kỹ năng phân tích tâm lý cá nhân, kỹ năng nhận diện các hiện tượng tâm lý, kỹ năng đề xuất các biện pháp tìm hiểu và tác động đến tâm lý cá nhân; có thái độ khách quan, khoa học trong việc nhìn nhận và đánh giá con người. Có ý thức vận dụng các kiến thức tâm lý học vào công việc nghề nghiệp của bản thân và trong quan hệ ứng xử với người khác.

12. XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần được kết cấu thành 9 chương, 9 chương này tạo thành bốn nhóm nội dung. Nội dung thứ nhất bàn về đối tượng nghiên cứu của xã hội học, chức năng của xã hội học, và mối quan hệ giữa xã hội học với một số ngành khoa học khác. Nội dung thứ hai đề cập đến lịch sử và lý thuyết xã hội học. Nội dung thứ ba tập trung vào các phương pháp nghiên cứu xã hội học. Nội dung

cuối cùng đề cập đến những chủ đề cơ bản trong xã hội học. Như vậy, kết cấu của học phần dựa trên logic: gắn kết lịch sử, lý thuyết với phương pháp nghiên cứu, và những chủ đề quan trọng của xã hội học.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức xã hội học đại cương trong việc phân tích, nghiên cứu đời sống xã hội; có thái độ khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu xã hội từ góc nhìn xã hội học.

13. DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này được kết cấu với bốn nội dung: khái quát về ngôn ngữ và ngôn ngữ học; cấu trúc của ngôn ngữ; sinh học và tâm lý của ngôn ngữ; xã hội của ngôn ngữ.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được kiến thức khái quát về ngôn ngữ và ngôn ngữ học: sự ra đời và phát triển của ngôn ngữ học, các phương pháp nghiên cứu; hiểu được cấu trúc, khía cạnh xã hội, sinh học của ngôn ngữ; nắm vững và vận dụng tốt phương pháp, nguyên tắc, thủ pháp và các thủ tục phân tích, miêu tả và lý giải ngôn ngữ (đặc biệt là tiếng Việt và tiếng Anh) ở các bình diện cấu trúc, xã hội và sinh học; hình thành ý thức nghiêm túc đối với việc học tập và rèn luyện các phương pháp, nguyên tắc, thủ pháp, thủ tục phân tích, miêu tả và lý giải ngôn ngữ; yêu thích khoa học ngôn ngữ học và ham tìm hiểu, phân tích ngôn ngữ.

14. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những nội dung chính như sau: Những hiểu biết cần thiết về lịch sử tiếng Việt, đặc điểm tiếng Việt; kiến thức và kỹ năng về sử dụng chính âm, chính tả; kiến thức và kỹ năng về dùng từ, đặt câu; kiến thức và kỹ năng về việc tạo lập và tiếp nhận văn bản; kiến thức và kỹ năng

về viết tiểu luận, luận văn khoa học; kiến thức và kĩ năng về thuyết trình. Học phần này tập trung đi sâu vào thực hành hơn lý thuyết.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, sử dụng từ ngữ, đặt câu, tạo lập và tiếp thu văn bản; những lỗi sử dụng tiếng Việt thường mắc, thường gặp, và cách khắc phục những lỗi đó; rèn luyện và phát triển các kĩ năng: dùng từ, đặt câu; tạo lập và tiếp nhận văn bản, thuyết trình; khả năng phát hiện và sửa chữa các lỗi sử dụng tiếng Việt; làm việc theo nhóm, tự học và tự nghiên cứu; bồi dưỡng tình cảm yêu quý và trân trọng tiếng Việt; rèn luyện thói quen và ý thức thường xuyên sử dụng tiếng Việt một cách thận trọng, có cân nhắc, lựa chọn thấu đáo; nghiêm túc rèn luyện và phát triển năng lực tư duy, sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt, chính xác và có phê phán; nghiêm túc và nhiệt thành trong việc giữ gìn, bảo vệ và phát triển tiếng Việt.

15. NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Dẫn luận ngôn ngữ học và Tiếng Việt thực hành**

Học phần này cung cấp cho sinh viên nội dung lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết gồm những vấn đề chính sau: Lịch sử phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu; đối tượng, phạm vi của ngôn ngữ học đối chiếu; cơ sở, nguyên tắc và phương pháp đối chiếu; việc đối chiếu ngôn ngữ trên bình diện ngữ âm - âm vị học, ngữ pháp, từ vựng - ngữ nghĩa và sử dụng. Phần thực hành gồm những vấn đề sau: thực hiện một số nghiên cứu trường hợp về đối chiếu ngữ âm - âm vị, từ ngữ, ngữ pháp, sử dụng giữa tiếng Anh và tiếng Việt với nhau.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được kiến thức về lịch sử phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu, các cấp độ miêu tả ngôn ngữ, phương pháp và thủ pháp nghiên cứu đối chiếu trong ngôn ngữ học, việc đối chiếu ngôn ngữ qua các bình diện và cấp độ ngôn ngữ, thực hiện điển cứu đối chiếu ngôn ngữ. Sinh viên nắm vững và vận dụng tốt phương pháp, nguyên tắc, và các thủ pháp đối chiếu ngôn ngữ học ở các cấp độ ngữ âm - âm vị học, ngữ pháp học, và

từ vựng - ngữ nghĩa, ngữ dụng học nhằm tự mình tìm ra những điểm tương đồng và dị biệt, những nét tương đương và không tương đương giữa tiếng Việt và ngoại ngữ mà sinh viên theo học. Từ đó sinh viên có thể học ngoại ngữ nhanh và hiểu quả hơn, tránh và khắc phục được những chuyển di tiêu cực, biết phát huy, khai thác và tận dụng được những chuyển di tích cực trong quá trình học và sử dụng ngôn ngữ, dịch thuật ngôn ngữ, hướng đến việc sử dụng ngoại ngữ/ngôn ngữ một cách chuẩn mực, trong sáng và chính xác. Sinh viên biết khai thác và áp dụng được những đặc điểm cấu trúc - hệ thống ưu việt của ngoại ngữ vốn không có trong tiếng Việt nhưng phù hợp với tiếng Việt vào trong tiếng Việt.

16. NGỮ ÂM TIẾNG ANH THỰC HÀNH

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Anh, bao gồm âm, âm tiết, trọng âm của từ và câu, ngữ điệu nói; hướng dẫn phát âm, đọc từ, những câu, đoạn hội thoại sử dụng âm đó để sinh viên hình dung rõ ràng hơn các nguyên âm, phụ âm; giải thích cụ thể hiện tượng và quy luật nói âm, nhấn trọng âm; đồng thời ứng dụng những kiến thức này vào việc thực hành phát âm theo cuộc hội thoại và ngữ cảnh.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tăng khả năng áp dụng thành thạo các kiến thức về ngữ âm đã học vào giao tiếp trong thực tế, cải thiện tính chính xác trong phát âm tiếng Anh, đồng thời nâng cao kỹ năng nghe hiểu, qua đó sinh viên sẽ tăng cường phản xạ trong giao tiếp bằng tiếng Anh.

17. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành một nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, cụ thể là trong ngôn ngữ học ứng dụng, các kỹ năng lấy và xử lý thông tin, viết và thuyết trình

một báo cáo khoa học, nghiên cứu khoa học hay khóa luận tốt nghiệp thuộc chuyên ngành ngôn ngữ Anh.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể hiểu, nhận biết và nhớ được những cách tiếp cận chính trong nghiên cứu khoa học xã hội, những phương pháp chủ yếu dùng trong nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng, các nội dung liên quan đến xử lý thông tin, viết và thuyết trình báo cáo hay nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên vận dụng các kiến thức vào phân tích các nghiên cứu cụ thể, đánh giá cách thu thập và xử lý thông tin khoa học, tiến tới có được kỹ năng thu thập và xử lý thông tin khoa học, biết tiến hành một nghiên cứu về ngôn ngữ học ứng dụng.

18. TIẾNG ANH CƠ SỞ I

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần Tiếng Anh cơ sở 1 bao gồm 04 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc và Viết.

Kỹ năng Nghe: giúp người học phát triển các kỹ năng nghe hiểu như nghe hiểu các ý chính, các chi tiết, mục đích, thái độ của người nói và mức độ nghi thức, phong cách của người nói trong các bối cảnh sử dụng ngôn ngữ, đòi hỏi người nghe có trình độ tiếng Anh trung bình, bao gồm cả những cuộc thảo luận có tính chuyên ngành thuộc chuyên học phần của người sử dụng ngôn ngữ; có thể hiểu những đoạn lời nói dài, có các ý tưởng trừu tượng hoặc cách lập luận phức tạp; theo dõi được các điểm chính của một bài giảng, bài nói chuyên chuyên đề hoặc báo cáo cũng như các kiểu trình bày trong lĩnh vực học thuật, chuyên môn khác.

Kỹ năng Nói: giúp sinh viên thực hành nói theo các chủ đề khác nhau nhằm khuyến khích sinh viên diễn đạt ý tưởng, cảm xúc và ý kiến của mình. Các hoạt động của bài học tập trung vào việc phát triển khả năng nói của sinh viên đan xen với kỹ năng đọc lướt thông tin. Các hoạt động chính bao gồm: Làm việc

theo cặp và theo nhóm; bài tập đọc lướt để lấy thông tin thực hành nói, sau đó tiếp tục thảo luận, đóng kịch, đóng vai, thuyết trình...

Kỹ năng Đọc: giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như theo dõi các ý chính, cụm từ chính và các chi tiết quan trọng trong một bài đọc dài một đến hai trang về một chủ đề mang tính học thuật hoặc văn bản có thể dưới dạng bài báo, tạp chí và văn xuôi, cũng như các tài liệu liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Hơn nữa, sinh viên biết sử dụng các nguồn tài liệu tham khảo có chọn lọc. Những bài đọc của học phần có thể kết hợp giữa cụ thể và trừu tượng, chứa đựng khái niệm hoặc chủ đề chuyên môn, bao gồm các dữ liệu, thể hiện thái độ, ý kiến. Ngoài ra, những bài đọc cũng đòi hỏi khả năng suy luận ở mức độ trung bình để phát hiện ra quan điểm của tác giả, mục đích và chức năng của bài đọc.

Kỹ năng Viết: giúp sinh viên miêu tả, tóm tắt hay giải thích một đồ thị, bảng hay biểu đồ bằng từ ngữ của chính mình. Sinh viên cũng có thể được yêu cầu mô tả và giải thích dữ liệu, mô tả các giai đoạn của một quá trình, một điều gì đó hoạt động như thế nào hay mô tả một đối tượng hay một sự kiện.

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên có thể hiểu, tóm tắt, vận dụng, mở rộng và phân tích, suy luận các nguồn thông tin nói hoặc viết; có thể sắp xếp và trình bày lại thông tin một cách logic, có thể diễn đạt tức thì, trôi chảy và chính xác, phân biệt được các ý nghĩa tinh tế khác nhau trong các tình huống phức tạp; có thể nghe hiểu các bài nói chuyện và các bài giảng về chủ đề thông thường và chủ đề mang tính học thuật; có thể phân tích được các lập luận của người nói về một vấn đề bất kì (đồng tình hoặc phản bác); có thể thảo luận hiệu quả, thực hiện một bài thuyết trình có cấu trúc rõ ràng, mạch lạc; có thể nâng cao kỹ năng nhận dạng câu hỏi trắc nghiệm, tiêu đề của các đoạn văn; và đặt các câu hỏi liên quan đến tiêu đề và đoạn văn; có thể phát triển và trau dồi kỹ năng nhận dạng thông tin yêu cầu, tìm từ theo văn cảnh, xử lý các từ lạ, ghép tên, xây dựng từ, ghép câu và phát triển từ vựng; nhận dạng các bài tập liên quan đến các kỹ năng đọc lướt, đọc tỉ mỉ, kỹ năng hoàn thành câu, cách xử lý vấn đề từ mới, tốc độ đọc; có kỹ năng điền từ vào các đoạn tóm tắt, đoạn ghi chú bảng biểu... Có thể

sắp xếp, triển khai ý trong đoạn văn và viết được nhiều loại bài luận về các chủ đề khác nhau;

19. TIẾNG ANH CƠ SỞ II

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở I**

Học phần Tiếng Anh cơ sở bao gồm 04 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc và Viết.

Kỹ năng Nghe: giúp sinh viên nghe hiểu tốt nội dung chính của các cuộc họp, hội thảo trong hoạt động hàng ngày và lĩnh vực chuyên môn, có thể hiểu những đoạn lời nói khá dài, có các ý tưởng trừu tượng hoặc cách lập luận khá phức tạp thuộc các chủ đề quen thuộc; theo dõi được các điểm chính của một bài giảng, bài nói chuyện chuyên đề hoặc báo cáo cũng như các kiểu trình bày thuộc học thuật, chuyên môn;

Kỹ năng Nói: giúp sinh viên có cơ hội nói về những vấn đề người bản ngữ thường thảo luận, các vấn đề nóng trên thế giới thông qua thuyết trình và tranh biện.

Kỹ năng Đọc: giúp sinh viên có thể nâng cao các kỹ năng đọc như đọc lướt, đọc tỉ mỉ, nhận dạng câu hỏi trắc nghiệm, tiêu đề của các đoạn văn; đặt các câu hỏi liên quan đến tiêu đề và đoạn văn và nhận dạng thông tin yêu cầu, tìm từ theo văn cảnh, xử lý các từ lạ, ghép tên, xây dựng từ, và ghép câu. Học phần cũng giúp sinh viên xử lý tốc độ đọc, kỹ năng viết lại câu/ý và nhận dạng văn bản, điền từ vào các đoạn tóm tắt, điền thông tin vào bảng và sơ đồ tóm tắt, nâng cao khả năng suy luận của sinh viên ở mức độ tốt để phát hiện ra quan điểm của tác giả và mục đích, chức năng của bài đọc;

Kỹ năng Viết: giúp sinh viên thảo luận và trau dồi thực thành về những mẫu viết theo phong cách viết học thuật của Anh thông qua các bài tiểu luận.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể theo dõi và hiểu được các bài giảng, các bài thuyết trình chuyên ngành có sử dụng nhiều lối nói thông tục, chứa đựng các yếu tố văn hóa hoặc các thuật ngữ không quen thuộc; hiểu được những vấn đề tinh tế, phức tạp hoặc dễ gây tranh cãi như pháp luật, tài chính,

thậm chí có thể đạt tới trình độ hiểu biết của chuyên gia; có thể hiểu được mọi điều một cách dễ dàng theo tốc độ nói của người bản ngữ; có thể hiểu được nhiều loại văn bản dài và phức tạp, cảm thụ được những nét khác biệt nhỏ giữa các văn phong, giữa nghĩa đen và nghĩa bóng; có thể mô tả hoặc tranh luận một cách rõ ràng, lưu loát theo phong cách phù hợp với bối cảnh và có cấu trúc logic hiệu quả, làm cho người nghe quan tâm và ghi nhớ các ý quan trọng; và có thể viết một bài tiểu luận rõ ràng, mạch lạc với văn phong phù hợp, logic, hiệu quả giúp cho người đọc có thể nhận biết và nhớ được những ý quan trọng. Sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh ở mức độ trung cấp bậc 6/6 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

20. VĂN HỌC ANH - MỸ

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần Văn học Anh - Mỹ là học phần nghiên cứu chung về lịch sử hình thành văn học của hai quốc gia: Vương Quốc Anh và Mỹ. Qua phân tích sâu các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của hai nền văn học, sinh viên sẽ có kiến thức cơ bản về lịch sử văn học, cách tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học, văn phong của tác giả. Để hoàn thành học phần, sinh viên phải hoàn thành các bài tập, thuyết trình, kiểm tra chuyên sâu về văn học hai nước.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể hình thành thói quen tiếp cận, phân tích, thuyết trình, nghiên cứu văn bản văn học với độ dài, thể loại khác nhau (truyện ngắn hoặc tiểu thuyết, thơ), phân tích được cái hay trong bối cảnh, nhân vật, dụng ý nghệ thuật của tác giả. Từ đó, sinh viên có cái nhìn sâu sắc hơn về văn hóa hai quốc gia Anh - Mỹ và nuôi dưỡng được đam mê tìm hiểu văn hóa, văn học, làm giàu thêm đời sống tinh thần.

21. ĐẤT NƯỚC HỌC ANH - MỸ

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần tổng hợp nghiên cứu, tiếp thu kiến thức từ nhiều chuyên ngành khác nhau như lịch sử kinh tế, chính trị, xã hội học, để đưa ra những kiến thức, cách hiểu tổng quan về quá trình hình thành và phát triển của một quốc gia. Qua những bài tập, bài kiểm tra, thuyết trình và thảo luận, sinh viên sẽ có kiến thức cơ bản về các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, văn hóa hai cường quốc: Vương Quốc Anh và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Học phần được giảng dạy bằng tiếng Anh.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể dựa vào những hiểu biết, phương pháp nghiên cứu cơ bản này để nghiên cứu sâu hơn về đất nước, chính trị, kinh tế, văn hóa, mở rộng tìm hiểu của các quốc gia khác, phục vụ cho việc học các học phần chuyên sâu hơn như Văn học Anh - Mỹ, biên dịch và Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao.

22. NGỮ PHÁP LÝ THUYẾT TIẾNG ANH

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này cung cấp các vấn đề cơ bản của lý thuyết ngữ pháp tiếng Anh bao gồm: từ, cụm từ và từ loại (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, giới từ, v.v.), chức năng cú pháp và chức năng ngữ nghĩa của từ, mệnh đề và các thành phần của mệnh đề, các chức năng ngữ nghĩa của mệnh đề, câu đơn, câu phức, câu ghép.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên hiểu và nhớ được kiến thức về các thành tố của ngữ pháp, biết vận dụng kiến thức đã học vào phân tích thành phần (câu động từ, cụm động từ, danh từ, đại từ và cụm danh từ cơ bản, tính từ, trạng từ, giới từ, cụm giới từ), sử dụng thành thực từ loại, cụm từ, mệnh đề, câu đơn, câu phức, câu ghép, v.v. củng cố các kỹ năng ngôn ngữ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học các học phần tiếng Anh chuyên ngành, biên dịch, phiên dịch.

23. NGỮ ÂM - ÂM VỊ HỌC TIẾNG ANH

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Ngữ âm tiếng Anh thực hành**

Học phần trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản trong ngữ âm và âm vị học, bao gồm mô tả, định nghĩa và phân loại các loại âm trong tiếng Anh: nguyên âm, phụ âm; giới thiệu về vai trò và các quy luật biến đổi của âm vị tiếng Anh; phân tích cấu trúc âm tiết; mô tả sự phân bố của các loại âm vị trong cấu trúc âm tiết; mô tả và phân tích các hiện tượng siêu đoạn tính trong tiếng Anh: trọng âm, ngữ điệu, đồng hoá, mất âm, nối âm và nhịp điệu.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng hiểu và phân biệt được các loại âm vị tiếng Anh, biết cách miêu tả, phân biệt nguyên âm và phụ âm tiếng Anh. Sinh viên nắm được các nét ngôn điệu của tiếng Anh, cụ thể là cấu trúc của âm tiết, trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu và nhịp điệu; sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải thích, phân tích các hiện tượng ngữ âm tiếng Anh, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để phục vụ tốt nhu cầu giao tiếp tiếng Anh.

24. NGỮ DỤNG HỌC TIẾNG ANH

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này nhằm giúp sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu ngôn ngữ ở trạng thái hoạt động như các loại ngữ nghĩa, chỉ xuất, quy chiếu và suy luận, tiền giả định, hàm ngôn, v.v. Ngoài ra, sinh viên cũng hiểu được các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ trong tương tác liên nhân như: hành động lời nói, sự kiện lời nói, các lý thuyết về tính lịch sự trong giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn từ, cấu trúc của hội thoại, mối liên hệ giữa diễn ngôn và dấu ấn, đặc điểm văn hoá của cộng đồng ngôn ngữ.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể hiểu, phân biệt và ghi nhớ được các khái niệm và vấn đề cơ bản trong nghiên cứu ngữ dụng học như chỉ xuất, trực chỉ, hồi chỉ, quy chiếu và suy luận, tiền giả định, hàm ngôn. Sinh viên biết phân tích và đánh giá được các loại hành vi ngôn ngữ, hội thoại và diễn ngôn sử dụng kiến thức ngữ dụng học, đồng thời biết vận dụng vào tương tác liên nhân kiến thức ngữ dụng học về hành động lời nói, sự kiện lời nói, lịch sự

trong giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn từ, cấu trúc của hội thoại, liên hệ giữa diễn ngôn và văn hoá của cộng đồng ngôn ngữ.

25. LÝ THUYẾT DỊCH

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh ngoại giao I**

Học phần chia thành 2 phần chính: lý thuyết biên dịch và lý thuyết phiên dịch. Lý thuyết biên dịch tập trung vào các mô hình biên dịch, các bước cơ bản trong biên dịch, cách tiếp cận chính, kỹ thuật dịch, chiến thuật xử lý, các lỗi biên dịch mà sinh viên hay mắc phải. Lý thuyết phiên dịch tập trung vào mô hình phiên dịch, các hình thức phiên dịch, quá trình phiên dịch, kỹ năng ghi chép, chiến thuật xử lý tình huống, kỹ năng thuyết trình, các vấn đề giao thoa văn hóa, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nhớ được kiến thức liên quan đến dịch thuật, các khái niệm và quan điểm trong dịch thuật; trình bày được các kiến thức liên quan đến dịch thuật; phân tích, đánh giá được các lỗi cơ bản phát hiện được trong quá trình dịch thuật; áp dụng được các thủ thuật dịch thuật nhằm giảm thiểu lỗi trong quá trình dịch; áp dụng các hình thức và thủ thuật dịch thuật một cách phù hợp vào công tác biên/phiên dịch.

26. BIÊN DỊCH I

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Lý thuyết dịch**

Học phần thuộc khối kiến thức tiếng Anh chuyên ngành, gồm hai phần: Biên dịch Việt - Anh 1 và Biên dịch Anh – Việt 1. Phần 1, Biên dịch Việt – Anh 1 cung cấp cho sinh viên kỹ năng biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh ở trình độ trung cấp. Sinh viên được hướng dẫn dịch các văn bản có độ dài 220 - 250 từ. Mỗi bài học có một chủ đề nhất định và chú trọng vào phát triển một số kỹ năng dịch cơ bản cho sinh viên. Học phần Biên dịch Việt - Anh 1 tập trung vào các chủ đề: ngoại giao, du lịch, lâm nghiệp, dân số, lao động, năng lượng, biến đổi

khí hậu, giao thông vận tải, tài chính, giáo dục, cải cách hành chính và thương mại.

Phần 2, Biên dịch Anh - Việt 1 cung cấp cho sinh viên kỹ năng dịch các văn bản viết từ tiếng Anh sang tiếng Việt ở trình độ trung cấp. Ở giai đoạn này sinh viên sẽ được hướng dẫn dịch một phần văn bản (bài báo, tin tức về các chủ đề quan hệ quốc tế trong giáo trình đọc tiếng Anh chuyên ngành 1) có độ dài 200 - 250 từ. Học phần Biên dịch Anh - Việt 1 tập trung vào các chủ đề: môi trường, mâu thuẫn xã hội, bình đẳng giới, nghèo đói, năng lượng - dầu mỏ, dịch bệnh, thiên tai, dân số.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nắm được những kiến thức và từ vựng cần thiết về những chủ đề đã học; nắm được các kỹ năng biên dịch để chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc; hiểu được vai trò và tầm quan trọng của một biên dịch viên.

27. BIÊN DỊCH II

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Biên dịch I**

Học phần thuộc khối kiến thức tiếng Anh chuyên ngành. Học phần gồm 2 phần:

Biên dịch Việt - Anh 2: cung cấp cho sinh viên kỹ năng biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh ở trình độ trung cao cấp. Ở giai đoạn này sinh viên sẽ được hướng dẫn dịch các văn bản có độ dài 250 - 300 từ. Mỗi bài học đều theo một chủ đề nhất định và chú trọng vào phát triển một số kỹ năng dịch cho sinh viên. Học phần Biên dịch 2 tập trung vào các chủ đề: Ngoại giao, phát triển bền vững, ASEAN, phòng chống tham nhũng, hoạt động của Liên hợp quốc tại Việt Nam, ngư nghiệp, công nghiệp, xây dựng, bình đẳng giới, ngân hàng, kiến trúc và quy hoạch đô thị.

Biên dịch Anh - Việt 2: cung cấp cho sinh viên kỹ năng dịch các văn bản viết từ tiếng Anh sang tiếng Việt ở trình độ trung cao cấp. Ở giai đoạn này sinh viên sẽ được hướng dẫn dịch một phần văn bản (bài báo, tin tức theo giáo trình

đọc Tiếng Anh chuyên ngành 2) có độ dài 250 - 300 từ. Phần dịch có độ khó và độ dài tăng dần, đòi hỏi sinh viên phải vận dụng nhanh nhạy kỹ năng dịch đã học ở học phần 1. Học phần Biên dịch Anh - Việt 2 tập trung vào các chủ đề: chủ nghĩa ly khai và khủng bố, xung đột khu vực, giải trừ quân bị, viện trợ nước ngoài, nhân quyền, vấn đề hạt nhân, khu vực hóa, toàn cầu hóa, quan hệ song phương, quan hệ đa phương.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nắm được những kiến thức và từ vựng cần thiết về những chủ đề đã học; nắm được các kỹ năng biên dịch để chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc; hiểu được vai trò và tầm quan trọng của một biên dịch viên.

28. BIÊN DỊCH III

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Biên dịch II**

Học phần thuộc khối kiến thức tiếng Anh chuyên ngành. Học phần gồm hai phần: Biên dịch Việt - Anh III: cung cấp cho sinh viên kỹ năng biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh ở trình độ cao cấp (Advanced). Ở giai đoạn này sinh viên sẽ được hướng dẫn dịch các văn bản có độ dài 300 - 350 từ. Mỗi bài học đều theo một chủ đề nhất định và chú trọng vào phát triển một số kỹ năng cơ bản cho sinh viên. Học phần Biên dịch Việt - Anh III tập trung vào các chủ đề: hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), toàn cầu hóa, viện trợ nhân đạo, hàng không dân dụng, nền kinh tế tri thức, khoa học công nghệ, các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDG), xóa đói giảm nghèo, truyền thông, di cư, hoạt động của các tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam.

Biên dịch Anh - Việt III: cung cấp cho sinh viên kỹ năng dịch các văn bản viết từ tiếng Anh sang tiếng Việt ở trình độ cao cấp. Ở giai đoạn này, sinh viên sẽ được hướng dẫn dịch một phần văn bản (bài báo, tin tức theo giáo trình đọc Tiếng Anh chuyên ngành 3) có độ dài 300 - 350 từ, có chủ đề và ngôn ngữ khó hơn. Giai đoạn này, sinh viên tiếp tục hoàn thiện kỹ năng dịch một cách nhuần nhuyễn đồng thời mở rộng kiến thức về các lĩnh vực chuyên sâu. Học phần Biên

dịch Anh - Việt III tập trung vào các chủ đề: các tổ chức khu vực và quốc tế, khoa học - công nghệ, khủng hoảng kinh tế, tiền tệ, ngân hàng, đầu tư nước ngoài, chính sách công.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nắm được những kiến thức và từ vựng cần thiết về những chủ đề đã học; nắm được các kỹ năng biên dịch để chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc; hiểu được vai trò và tầm quan trọng của một biên dịch viên.

29. BIÊN DỊCH IV

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Biên dịch III**

Học phần thuộc khối kiến thức tiếng Anh chuyên ngành. Học phần gồm hai phần: Biên dịch Việt - Anh IV: cung cấp cho sinh viên kỹ năng biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại ở trình độ trên cao cấp (More - Advanced). Ở giai đoạn này, sinh viên sẽ được hướng dẫn dịch các văn bản có độ dài 350 - 400 từ. Mỗi bài học đều chú trọng vào phát triển một số kỹ thuật dịch cơ bản cho sinh viên. Học phần Biên dịch Việt - Anh IV tập trung vào các bài phát biểu của các lãnh đạo cấp cao Việt Nam tại các hội nghị quốc tế.

Biên dịch Anh - Việt IV: cung cấp cho sinh viên kỹ năng dịch các văn bản viết từ tiếng Anh sang tiếng Việt ở trình độ trên cao cấp. Ở giai đoạn này, sinh viên sẽ được hướng dẫn dịch các bài báo chính luận, các văn bản ngoại giao, hợp đồng, diễn văn hội nghị từ tiếng Anh sang tiếng Việt, có độ dài 400 - 500 từ. Mỗi bài học đều theo một chủ đề nhất định, có độ khó tăng dần và chú trọng vào phát triển một số kỹ năng dịch nâng cao cho sinh viên. Học phần Biên dịch Anh - Việt IV giúp sinh viên vận dụng các kỹ năng dịch đã được học từ 3 cấp độ trước đó và quen thuộc với việc xử lý ngôn ngữ của các văn bản đặc thù trong lĩnh vực Ngoại giao.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nắm được những kiến thức và từ vựng cần thiết về những chủ đề đã học; nắm được các kỹ năng biên dịch để chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc; hiểu được vai

trò và tầm quan trọng của một biên dịch viên; có thể tiếp tục tự học và nâng cao trình độ với sự trợ giúp của từ điển và các tài liệu tham khảo mà không cần sự giúp đỡ hay giám sát của giáo viên.

30. PHIÊN DỊCH CƠ BẢN (I)

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Lý thuyết dịch**

Học phần giúp sinh viên làm quen và nâng cao kỹ năng dịch thuật. Sinh viên lĩnh hội và thực hành một số kỹ thuật liên quan tới dịch thuật như kỹ thuật ghi nhớ, kỹ thuật ghi chép, kỹ thuật diễn giải và tóm tắt ý, kỹ năng xử lý tình huống, khả năng thuyết trình và đồng thời phát triển khả năng ngôn ngữ của sinh viên, cung cấp kiến thức nền và kiến thức chuyên sâu về văn hóa các nước, về chính trị, kinh tế, xã hội cần thiết đối với công tác phiên dịch thông qua những chủ đề phiên dịch ở từng bài học.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt năng lực tiếng Anh bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc quốc gia. Cụ thể, sinh viên có khả năng dịch một cách tự nhiên và nhuần nhuyễn những chủ đề thông thường với văn phong phù hợp để phục vụ cho công việc trong tương lai, có kỹ năng ghi chép, ghi nhớ và kỹ năng xử lý tình huống thông thường, và đặc biệt hiếu và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có thái độ nghiêm túc đối với nghề phiên dịch.

31. PHIÊN DỊCH NÂNG CAO (II)

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Phiên dịch cơ bản (I)**

Học phần giúp sinh viên nâng cao khả năng phiên dịch. Sinh viên thực hành nâng cao một số kỹ thuật phiên dịch như kỹ thuật ghi nhớ, kỹ thuật ghi chép, kỹ thuật diễn giải và tóm tắt ý, kỹ năng xử lý tình huống, khả năng thuyết trình và đồng thời phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ. Học phần cung cấp kiến thức nền và kiến thức chuyên sâu về văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội từ những bài phát biểu, diễn văn trong những hội nghị, hội thảo đã diễn ra để sinh viên có

những trải nghiệm thực tế về phiên dịch trong những bối cảnh yêu cầu khả năng ngôn ngữ tốt, khả năng ứng biến cao.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng phiên dịch nối tiếp ở những hội nghị, hội thảo với những chủ đề về văn hóa, chính trị xã hội và một số chủ đề có tính chuyên môn nhưng không quá chuyên biệt và phiên dịch song song khi diễn giả nói với tốc độ 70-90 từ/1 phút.

32. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO I

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở II** (không áp dụng đối với những sinh viên được miễn học Tiếng Anh cơ sở I và II)

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành phương pháp tìm tài liệu và phân tích tình hình, các vấn đề quốc tế. Học phần cũng tập trung vào việc đọc hiểu các bài báo của các tờ báo, tạp chí quốc tế và nghe hiểu các đoạn tin tức và bình luận ở tốc độ chậm trên chương trình Special English của VOA/BBC, kết hợp với các giờ thảo luận, phân tích dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tiếp thu các nội dung kiến thức và kỹ năng thông qua bộ hệ thống các câu hỏi, đề tài thuyết trình, từ đó vận dụng được khối từ vựng cơ bản chuyên ngành ngoại giao. Về mặt kiến thức, sinh viên nắm vững các từ ngữ, thuật ngữ, các thành ngữ cơ bản của chuyên ngành ngoại giao và các vấn đề toàn cầu bằng tiếng Anh.

33. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO II

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh ngoại giao I**

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm

tài liệu và phân tích tình hình quốc tế. Học phần tập trung vào việc phân tích các bài báo về chủ đề ngoại giao từ các tờ báo có tên tuổi trên thế giới như The Guardian Weekly, The Economist, The New York Times, v.v. Học phần cũng tập trung vào nghe các đoạn tin có tốc độ trung bình trên các kênh truyền thanh như VOA và BBC. Học phần bao gồm các giờ thảo luận dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế tại thời điểm đó.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm đợc kiến thức cơ bản về các vấn đề chính trị, an ninh, kinh tế, văn hoá, xã hội, luật pháp, khoa học, công nghệ cũng như các vấn đề của ngành ngoại giao và các vấn đề toàn cầu. Sinh viên có thể khai thác và thảo luận nội dung các tin/bài đợc đăng tải trên các báo/chương trình phát thanh tiếng Anh về các chủ đề đã học hoặc các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế tại thời điểm đó.

34. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO III

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh ngoại giao II**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức sâu rộng về ngoại giao và các vấn đề toàn cầu trong mọi lĩnh vực. Sinh viên sẽ đợc, nghe, thảo luận và trình bày xung quanh nội dung các tin/bài đợc đăng tải trên các báo/chương trình phát thanh bản ngữ ở tốc độ nhanh. Sinh viên tiếp tục đợc trang bị các kỹ năng mới như đợc để rút ra ý chính, suy luận để tìm ra đợc những nội dung liên quan trong bài báo, nghe để rút ra đợc ý chính cho cả đoạn tin, kỹ năng tóm tắt đoạn tin.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xác định vấn đề thời sự, so sánh đối chiếu và biện luận những nhân tố tác động đến các sự kiện quốc tế; có khả năng xây dựng lại một sự kiện, hay một đoạn tin dựa trên những phân tích, lập luận trong quá trình đợc hiểu, nghe hiểu tin tức đó; có khả năng sắp xếp ý, tổng hợp vấn đề, phân tích có chiều sâu một vấn đề thuộc lĩnh vực quan hệ quốc tế (chính trị, kinh tế, ngoại giao đa phương, song phương).

35. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO IV

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh ngoại giao III**

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận nâng cao khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự và bình luận theo những chủ đề thuộc chuyên ngành ngoại giao từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm tài liệu và phân tích tình hình quốc tế. Học phần tập trung vào việc phân tích các bình luận về chủ đề ngoại giao từ các tờ báo có tên tuổi trên thế giới như The Guardian Weekly, The Economist, The Diplomat, the New York Times,... Đối với kỹ năng đọc hiểu, người học sẽ vận dụng được toàn bộ các kỹ năng đã được học ở các học phần trước để có thể hiểu sâu nội dung của bài bình luận, đồng thời người học cũng sẽ được trang bị các kỹ năng và kiến thức để vận dụng vào viết một bài tóm tắt hoàn chỉnh về nội dung bài đọc, bình luận. Với kỹ năng nghe hiểu, học phần tiếp tục tập trung vào nghe các đoạn tin, bài bình luận có tốc độ nhanh trên các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới như VOA và BBC.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được kiến thức sâu hơn về các vấn đề thuộc chuyên ngành ngoại giao; sinh viên có thể tái tạo lại bản tin bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Sinh viên sẽ có khả năng trình bày quan điểm của mình về vấn đề tác giả nêu trong bài bình luận: đồng tình hoặc không đồng tình với quan điểm của tác giả.

36. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần trang bị cho sinh viên khái niệm về các loại văn bản, đặc trưng, thể thức và kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thường dùng và văn bản chuyên ngành ngoại giao. Phần thực hành soạn thảo văn bản sẽ giúp sinh viên hiểu và nắm vững các loại văn bản quản lý hành chính nhà nước, văn bản hợp đồng dân sự, văn bản hợp đồng kinh tế, văn bản ngoại giao..., đồng thời rèn

luyện những kỹ năng xây dựng văn bản theo quy định.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên ra trường có thể đáp ứng yêu cầu viết các loại văn bản trong quá trình công tác tại các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp; hiểu rõ về thể thức, thẩm quyền cũng như quy trình soạn thảo và ban hành các loại văn bản, nắm được một số nghiệp vụ cơ bản khác trong công tác văn phòng như quy định về quản lý và sử dụng con dấu.

37. KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này bao gồm 2 phần: lý thuyết và thực hành. Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản nhất về quy trình thực hiện một bài trình bày/thuyết trình trước một nhóm khán giả/người nghe. Kiến thức và nội dung bao gồm như tìm và tổng hợp thông tin, phác thảo đề cương (chuẩn bị trước khi thuyết trình), cấu trúc một bài thuyết trình (giới thiệu/phần mở đầu bài thuyết trình, nội dung chính bài thuyết trình, xử lý kết thúc một bài thuyết trình), sử dụng giáo cụ trực quan (ảnh, video).

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có thể thực hiện một bài thuyết trình rõ ràng và mạch lạc trước khán giả.

38. KỸ NĂNG TỔ CHỨC SỰ KIỆN

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cơ bản về tổ chức sự kiện, xây dựng kế hoạch tổng quan tổ chức sự kiện, kế hoạch nhân sự cho sự kiện, lập kế hoạch tài chính cho sự kiện, viết kịch bản sự kiện, kế hoạch truyền thông, giám sát tổ chức sự kiện và quản lý rủi ro trong sự kiện. Học phần cũng trang bị cho sinh viên phương pháp tư duy sáng tạo, phát triển ý tưởng tổ chức sự kiện, sinh viên có thể thực hành và trải nghiệm tổ chức sự kiện ngay trong khóa học.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được quy trình tổ chức sự kiện, các chất liệu và hiệu ứng thường sử dụng trong sự kiện, các ứng dụng công cụ truyền thông để quảng bá cho sự kiện; biết cách viết các đề xuất, đề án tổ chức sự kiện và xử lý các giấy tờ có liên quan; biết cách công nhận sự hợp lý.

39. KỸ NĂNG QUAN HỆ CÔNG CHÚNG - PR

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng về quan hệ công chúng, cung cấp các bài tập thực hành và bài tập thực tiễn được thiết kế kỹ lưỡng cũng như vốn từ vựng, ngôn ngữ trong lĩnh vực quan hệ công chúng. Học phần lồng ghép kỹ năng thuyết trình nhằm giúp sinh viên thể hiện các bài tập kỹ năng quan hệ công chúng hiệu quả. Học phần đồng thời giúp sinh viên trải nghiệm các hoạt động học phong phú như bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, chuyến đi thực địa, hội thảo...

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản về Quan hệ công chúng không chỉ tồn tại trong hoạt động đối ngoại, kinh doanh mà hiện hữu ngay trong cuộc sống hàng ngày; hiểu và áp dụng tư tưởng cốt lõi của quan hệ công chúng; phân tích, đánh giá các vấn đề và đưa ra các biện pháp để giải quyết, đặc biệt là các khủng hoảng trong lĩnh vực truyền thông.

40. KỸ NĂNG CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng về quan hệ công chúng, cung cấp các bài tập thực hành, bài tập thực tiễn và cách sử dụng ngôn ngữ trong lĩnh vực quan hệ công chúng. Học phần lồng ghép kỹ năng thuyết trình nhằm giúp sinh viên thể hiện các bài tập kỹ năng quan hệ công chúng hiệu quả. Học phần đồng thời giúp sinh viên trải nghiệm các hoạt động học phong phú như bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, chuyến đi thực địa, tham dự và tổ chức hội thảo, sự kiện...

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể hiểu được những kỹ năng thực tế nền tảng và sự tự tin để có thể trở thành một người đào tạo/người thuyết trình; nắm được những xu hướng và công cụ thuyết trình mới nhất để có thể vận dụng vào quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp; tương tác như một người chủ tọa thực thụ, thu hút sự tham gia của người nghe và góp phần vào sự thành công của tổ chức; có thể đặt vấn đề và thảo luận, thu hút, khuyến khích sự tham gia của người nghe; biết cách xử lý sự lo lắng và sợ hãi khi thuyết trình và chủ trì cuộc họp; tự nhận thức được khả năng lãnh đạo.

41. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc khối nghiệp vụ và kỹ năng nên có tính thực hành cao. Thông qua những ví dụ sinh động về đàm phán trong thực tiễn cũng như các hình thức bài tập mô phỏng, làm việc nhóm, tạo môi trường sinh động, phát triển tính chủ động và sáng tạo có thể giúp sinh viên vừa thuần thục với các kỹ năng cơ bản của đàm phán, vừa hiểu và nắm vững phần lý thuyết của đàm phán như cách nhìn nhận xung đột lợi ích, ảnh hưởng của nó tới cách giải quyết xung đột.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể hiểu và tìm cách giải quyết xung đột, tìm hiểu những yếu tố quan trọng tác động đến đàm phán (lợi ích, lập trường, quyền lực, tâm lý cảm xúc cá nhân, văn hoá...), những chiến lược, sách lược, thủ thuật, kỹ năng và nghệ thuật giao tiếp cần có trong đàm phán, các hình thức và đặc trưng của đàm phán ngoại giao, cách chuẩn bị đề án đàm phán ngoại giao (thu thập thông tin, phân tích các yếu tố liên quan, chuẩn bị phương án và dự đoán các tình huống, sáng tạo giải pháp...) và những tiêu chuẩn cần có của một nhà đàm phán ngoại giao.

42. KỸ NĂNG VIẾT BÁO CÁO

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần Kỹ năng viết báo cáo giúp người học bước đầu làm quen và

nắm vững cách viết một số loại báo cáo bằng tiếng Anh thường gặp trong công việc một cách chính xác, ngắn gọn và đầy đủ.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nắm rõ mục đích của viết báo cáo; chọn loại báo cáo phù hợp với mục đích và nội dung; viết đề cương tóm tắt cho báo cáo; chọn nội dung cho báo cáo; chỉnh sửa bản sơ thảo.

43. LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ HIỆN ĐẠI (1945-NAY)

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc nhóm kiến thức bổ trợ nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về quá trình phát triển của quan hệ quốc tế từ sau Thế chiến II đến nay cũng như những nội dung chính trong chính sách đối ngoại của một số nước, chủ yếu là các nước lớn. Học phần cũng trang bị cho sinh viên khả năng phân tích các vấn đề quốc tế hiện đại.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về các mối quan hệ giữa các nước lớn, có đủ kiến thức để áp dụng vào việc hiểu các vấn đề trong quan hệ quốc tế hiện nay và có thể phân tích, đánh giá một vấn đề quốc tế cụ thể. Sinh viên có tư duy phản biện trong việc phân tích các vấn đề quốc tế, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày về một vấn đề quốc tế cụ thể. Sinh viên có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực quan hệ quốc tế và có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề quốc tế.

44. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM (1975 - ĐẾN NAY)

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần nằm trong khối kiến thức bổ trợ nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam kể từ năm 1975 đến nay, cũng như quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ Đổi mới; trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích chính sách đối ngoại.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về quá trình đổi mới tư duy đối ngoại, các thành tố của chính sách đối ngoại Việt Nam; có khả năng phân tích và đánh giá một vấn đề đối ngoại cụ thể của Việt Nam; có thể áp dụng phương pháp tiếp cận phù hợp để phân tích chính sách đối ngoại Việt Nam qua các giai đoạn, có khả năng trình bày về một vấn đề cụ thể trong chính sách đối ngoại. Sinh viên hình thành năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực quan hệ quốc tế, có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề đối ngoại và có nhận thức tốt về vai trò của chính sách đối ngoại trong bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam.

45. CÔNG TÁC NGOẠI GIAO

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản và hệ thống về công tác ngoại giao. Cụ thể, sinh viên được giới thiệu về những nghiệp vụ cơ bản của công tác ngoại giao như các cơ quan quan hệ đối ngoại ở trong nước và nước ngoài; công văn ngoại giao; ngoại giao kinh tế; ngoại giao văn hóa; công tác báo chí và thông tin đối ngoại; công tác lãnh sự; công tác lễ tân ngoại giao; phép lịch sự xã giao và tư tưởng, phương pháp, phong cách và nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh và được luyện tập các kỹ năng này.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về công tác ngoại giao; về các nghiệp vụ ngoại giao để có thể bắt đầu nghề ngoại giao; có kỹ năng nhất định trong việc tổ chức các sự kiện ngoại giao liên quan đến công tác lễ tân ngoại giao, họp báo, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hay nghiên cứu một vấn đề liên quan đến nghiệp vụ ngoại giao; có khả năng tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới nghiệp vụ ngoại giao, đưa ra những ý kiến tham mưu về các vấn đề nghiệp vụ ngoại giao như lễ tân, báo chí, lãnh sự, có năng lực lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc thực hiện các sự kiện ngoại giao.

46. QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần Quan hệ kinh tế quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản và cụ thể về các khái niệm kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế; thương mại quốc tế; đầu tư trực tiếp nước ngoài; vấn đề viện trợ và nợ nước ngoài; vấn đề hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường; di chuyển sức lao động quốc tế; thị trường ngoại hối và cán cân thanh toán quốc tế; hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời, học phần còn nghiên cứu về các quá trình kinh tế diễn ra trong mối quan hệ giữa các quốc gia với nhau và giữa các quốc gia với các tổ chức kinh tế quốc tế. Các mối quan hệ đó mang tính khách quan và ngày càng phát triển, mở rộng trên quy mô toàn cầu.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể phân tích và đánh giá đúng bản chất tính tất yếu khách quan của các quan hệ kinh tế quốc tế; các nội dung, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của học phần quan hệ kinh tế quốc tế; đồng thời biết vận dụng các phương pháp nghiên cứu trong quá trình học tập. Học phần cũng giúp sinh viên áp dụng trong thực tế các phương pháp định tính và định lượng để phân tích các sự kiện về kinh tế quốc tế; rèn luyện khả năng phân tích, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cùng các kỹ năng giao tiếp trong môi trường hội nhập quốc tế.

47. LUẬT HIẾN PHÁP VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về luật hiến pháp của các hình thức nhà nước cơ bản trên thế giới như Cộng hòa đại nghị, Cộng hòa Tổng thống, Cộng hòa lưỡng tính, Quân chủ lập hiến, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa. Sinh viên sẽ được tìm hiểu cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước và hoạt động của các quốc gia như: Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản,

Thái Lan, Mỹ và Hiến pháp Việt Nam. Từ đó, sinh viên có khả năng tổng hợp và so sánh với các quy định của Luật Hiến pháp Việt Nam.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có hiểu biết tổng quan về hiến pháp và luật hiến pháp, phân loại hiến pháp và giám sát, thi hành, bảo vệ hiến pháp; cơ cấu lãnh thổ và chế độ chính trị; hình thức chính thể; vai trò của Đảng phái và chế độ bầu cử; nguyên thủ quốc gia, cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp; cũng như hiểu được lịch sử lập hiến Việt Nam; các chế định quan trọng của hiến pháp Việt Nam.

48. TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về truyền thông quốc tế cũng như các lý thuyết căn bản liên quan đến truyền thông quốc tế, các hoạt động truyền thông quốc tế trên thế giới và tình hình phát triển của truyền thông quốc tế tại Việt Nam. Theo đó, kiến thức được giảng dạy gồm các nội dung chính: khái quát về truyền thông quốc tế (bao gồm các khái niệm cơ bản, lịch sử phát triển, các đặc điểm, vai trò, chức năng của truyền thông quốc tế); lý thuyết tiếp cận truyền thông quốc tế; giới thiệu truyền thông một số quốc gia, các tập đoàn truyền thông quốc tế tiêu biểu trên thế giới; các vấn đề căn bản của truyền thông quốc tế tại Việt Nam.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản về truyền thông nói chung và truyền thông quốc tế nói riêng; phân tích được các đặc điểm của truyền thông quốc tế; hiểu và so sánh được lịch sử truyền thông quốc tế; đánh giá đầy đủ về vai trò, chức năng của truyền thông quốc tế; có thể áp dụng các lý thuyết trong phân tích các hoạt động truyền thông quốc tế và toàn cầu, giúp tạo dựng kỹ năng phân tích và phản biện về chính sách và hoạt động truyền thông quốc tế; có thể tự phân loại các hoạt động truyền thông, tự thiết kế cách nghiên cứu chuyên đề về truyền thông quốc tế. Ngoài ra, sinh viên cũng có thể tự rút ra bài học để hình thành thái độ tích cực, tiếp thu có chọn lọc trên cơ

sở phân tích các dòng thông tin trên truyền thông quốc tế. Qua đó trau dồi bản lĩnh chính trị vững vàng, kỹ năng phân tích tin tức truyền thông để áp dụng trong công việc sau này.

49. VIẾT CÔNG HÀM NGOẠI GIAO

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp thông tin về các loại hình công hàm ngoại giao trong hoạt động ngoại giao. Học phần cũng cung cấp thông tin về chức năng và mục đích của các loại hình công hàm ngoại giao, tác dụng của các công hàm đó. Sinh viên còn được hướng dẫn kỹ năng tổ chức viết công hàm ngoại giao và những yêu cầu cụ thể đối với một cán bộ viết công hàm ngoại giao.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể hiểu được vị trí và tầm quan trọng của công hàm ngoại giao trong hoạt động ngoại giao; có thể liệt kê những vấn đề quan trọng cần xác định khi viết một công hàm ngoại giao; có thể ghi nhớ và gọi tên các thành phần chính trong một công hàm ngoại giao và phân loại các công hàm ngoại giao khi được đọc các công hàm đó; có khả năng chủ động xác định rõ vấn đề, mục đích yêu cầu của công hàm, xác định những chi tiết như đối tượng đưa ra công hàm, đối tượng tiếp nhận công hàm, sách lược của công hàm và xây dựng lập luận chính xác.

50. XÂY DỰNG DỰ ÁN

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần Xây dựng dự án giúp người học có khả năng xây dựng, quản lý, vận hành một đề án trong công việc, trong các hoạt động xã hội trong đời sống. Người học học cách viết đề án, cách định lượng thời gian, chi phí cho một dự án; cách viết báo cáo, thuyết trình, cách tiến hành các cuộc họp có liên quan đến đề án, cách làm việc nhóm và xây dựng nhóm.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng đề án một cách chuyên nghiệp nhằm cung cấp kết quả đúng thời gian, ngân sách; tiếp tục học

tập và tích hợp theo yêu cầu cần có của một đề án; áp dụng kiến thức, kỹ năng, công cụ và kỹ thuật cho các hoạt động của đề án để đáp ứng các yêu cầu là khởi xướng, lập kế hoạch và kiểm soát kết thúc đề án.

51. NGOẠI KHÓA BIÊN - PHIÊN DỊCH

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Biên dịch I và Phiên dịch I**

Học phần cung cấp cho người học cơ hội ứng dụng những kiến thức lý thuyết về biên - phiên dịch, những kỹ năng, phẩm chất đạo đức đã được đào tạo trong 4 năm vào làm việc tại môi trường thực tiễn; cụ thể là các cơ quan, đơn vị, các ban ngành, tổ chức hoặc doanh nghiệp có sử dụng dịch thuật.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể hiểu được thực tiễn công việc biên - phiên dịch, ứng dụng được những kiến thức lý thuyết về biên - phiên dịch đã học vào công việc thực tế, có kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp đồng thời hình thành thái độ nghiêm túc đối với công việc.

52. PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về lý thuyết, phương pháp đánh giá, công cụ lập kế hoạch, nguồn lực, ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực phát triển nghề nghiệp hiện đại thông qua lý thuyết và thực tế. Sinh viên có thể phân tích các loại hình ứng dụng hiện đại trong lĩnh vực phát triển nghề nghiệp và các chiến lược được áp dụng trong hoạt động tư vấn nghề nghiệp, cũng như thiết kế các chương trình phát triển nghề nghiệp.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể áp dụng công nghệ vào hướng nghiệp, tư vấn nghề nghiệp bao gồm việc sử dụng mạng xã hội để tìm kiếm việc làm, cập nhật và đối chiếu các nghiên cứu thực tiễn. Sinh viên có thể tiếp cận các đơn vị sử dụng lao động một cách tinh tế không kể tuổi tác, giới tính, dân tộc hay khuynh hướng tình dục.

53. GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa, sự liên kết giữa văn hóa và giao tiếp trong các nền văn minh khác biệt, và vai trò của giao tiếp trong việc giữ gìn, bảo tồn các khía cạnh của một nền văn hóa. Từ đó, sinh viên có thể hiểu rõ, nhận biết đa dạng văn hóa qua nhiều góc nhìn, nhiều luồng ý kiến. Người học có thể vận dụng các kiến thức về các phong tục, tập quán của nhiều quốc gia, áp dụng kỹ năng (như thuyết trình, tranh luận, nghiên cứu, làm việc nhóm), phân tích sự vật, hiện tượng, rào cản, cú shock trong văn hóa, quá trình giao tiếp liên văn hóa, tiếp cận nhiều nguồn thông tin, tạo dựng cho bản thân đánh giá hiện tượng trong văn hóa, giao tiếp giữa các nền văn hóa theo tổng thể đúng đắn, với lập trường vững vàng.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thể hiện sự sáng tạo của bản thân qua các bài kiểm tra, đánh giá tự do theo hình thức bài tập tự do (luận văn nghiên cứu, làm video, làm dự án sáng tạo) về văn hóa, giao tiếp liên văn hóa trong và ngoài nước.

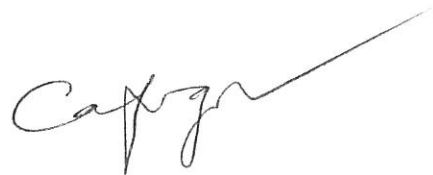
Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2021

Q. GIÁM ĐỐC



TS. Phạm Lan Dung

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Cát Ngọc

